

TỔNG QUAN VỀ ĐẤU THẦU XÂY LẮP Ở TP HỒ CHÍ MINH TRONG NĂM 2024

OVERVIEW OF CONSTRUCTION BIDDING IN HO CHI MINH CITY IN 2024

↳ **Lê Thị Thanh Trâm** - Khoa Kỹ thuật Công trình, Trường đại học Tôn Đức Thắng, 19 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh / Email: lethithanhtram@tdtu.edu.vn

TÓM TẮT: Hoạt động đấu thầu xây lắp tại TP. Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư. Với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng và nhu cầu mở rộng hệ thống giao thông, nhà ở, công trình công cộng, việc tổ chức đấu thầu minh bạch và hiệu quả là yếu tố then chốt giúp đảm bảo sử dụng nguồn vốn ngân sách hợp lý, đồng thời tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp xây dựng. Trong những năm gần đây, đặc biệt là năm 2024, các chính sách đầu tư công và cơ chế đấu thầu qua mạng tiếp tục được đẩy mạnh nhằm tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm ngân sách. Đấu thầu qua mạng không chỉ giúp đơn giản hóa quy trình mà còn góp phần giảm thiểu tiêu cực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bài báo khoa học này nhằm phân tích tình hình đấu thầu xây lắp tại TP. Hồ Chí Minh trong năm 2024. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu thứ cấp từ Cổng thông tin quốc gia, tập trung vào các gói thầu xây lắp có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên thuộc các dự án công tại TP. Hồ Chí Minh. Phạm vi thời gian của dữ liệu thu thập là từ ngày 1/1/2024 đến 31/12/2024. Các thông tin chính được phân tích bao gồm: số lượng gói thầu được tổ chức, tổng giá trị hợp đồng, tỷ lệ trúng thầu, danh sách các nhà thầu tham gia, mức độ cạnh tranh trong từng gói thầu, xu hướng giảm giá trong đấu thầu. Dữ liệu được tổng hợp và phân tích bằng các phương pháp thống kê để đánh giá tình hình đấu thầu xây lắp trong năm 2024 tại TP. Hồ Chí Minh. Việc sử dụng dữ liệu khách quan từ cổng thông tin dữ liệu quốc gia giúp đảm bảo tính chính xác và phản ánh thực trạng khách quan của thị trường. Bài báo cung cấp những số liệu cụ thể để có góc nhìn tổng quan về các dự xây lắp công tại thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn sắp tới.

Các từ khóa: lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư, quy trình đấu thầu, đấu thầu qua mạng, xây lắp.

GỚI THIỆU:

Với sự tiến bộ không ngừng của công nghệ thông tin, đặc biệt là trong thời đại số hóa mạnh mẽ như hiện nay, đấu thầu qua mạng (e-procurement) đã trở thành một xu hướng tất yếu trên toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực đấu thầu công. Hình thức này cho phép toàn bộ hoặc một phần quy trình đấu thầu được thực hiện trực tuyến thông qua các nền

ABSTRACT: Construction bidding activities in Ho Chi Minh City play a crucial role in infrastructure development and investment attraction. With the rapid pace of urbanization and the increasing demand for transportation systems, housing, and public facilities, ensuring a transparent and efficient bidding process is essential for optimal budget allocation and fostering a healthy competitive environment among construction enterprises. In recent years, particularly in 2024, public investment policies and e-bidding mechanisms have been further promoted to enhance transparency, efficiency, and budget savings. E-bidding not only simplifies procedures but also helps reduce corruption, thereby improving the effectiveness of capital utilization. This scientific paper aims to analyze the construction bidding situation in Ho Chi Minh City in 2024. The study utilizes secondary data from the National Bidding Information Portal, focusing on construction bidding packages with a value of at least 1 billion VND under public projects in Ho Chi Minh City. The data collection period spans from January 1, 2024, to December 31, 2024. Key information analyzed includes the number of bidding packages conducted, total contract value, bidding success rate, list of participating contractors, level of competition in each bidding package, and price reduction trends in bidding. The data is aggregated and analyzed using statistical methods to assess the construction bidding landscape in Ho Chi Minh City in 2024. The use of objective data from the National Data Portal ensures accuracy and reflects the actual market situation. This paper provides specific statistical data to offer a comprehensive overview of public construction projects in Ho Chi Minh City in the upcoming period.

Keywords: contractor selection, investor, bidding process, online bidding, construction and installation.

tảng số, thay thế dần phương thức đấu thầu truyền thống dựa trên giấy tờ và gặp mặt trực tiếp. Việc áp dụng đấu thầu qua mạng không chỉ giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính mà còn nâng cao tính minh bạch trong quá trình lựa chọn nhà thầu, giảm thiểu các hành vi gian lận, tiêu cực, đồng thời tối ưu hóa chi phí và thời gian cho cả bên mời thầu và nhà thầu tham gia. Nhờ khả năng số hóa toàn

bộ quy trình, từ công bố thông tin mời thầu, tiếp nhận hồ sơ, đánh giá hồ sơ đến công bố kết quả, đấu thầu qua mạng giúp tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh, khách quan và thuận lợi hơn cho tất cả các bên liên quan. Hơn nữa, việc triển khai đấu thầu trực tuyến còn góp phần tăng cường hiệu suất làm việc của các cơ quan quản lý, tạo điều kiện cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các cơ hội đấu thầu, đồng thời giúp chính phủ kiểm soát và theo dõi hiệu quả các dự án công một cách khoa học và chặt chẽ hơn.

Dự án đầu tư công là những dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công [1], vốn đầu tư công bao gồm vốn ngân sách nhà nước và vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng cho mục đích đầu tư, các dự án này được tài trợ hoàn toàn hoặc một phần bằng tiền của nhà nước hoặc các cơ quan công lập.

Nurul Alifah Jatarona và cộng sự (2016) nghiên cứu đánh giá mức độ hiệu quả của ngành xây dựng công tại Malaysia, đặc biệt tập trung vào các dự án công cộng. Nghiên cứu chỉ ra rằng nhiều dự án công cộng thường gặp phải các vấn đề như chậm tiến độ, chi phí vượt dự toán và chất lượng kém, gây quan ngại trong dư luận. Thông qua phân tích các báo cáo kiểm toán quốc gia, nhóm tác giả đã xác định được 69 vấn đề phổ biến trong quá trình phát triển dự án công. Các giai đoạn như điều tra ban đầu, thiết kế, hợp đồng, thi công và kết thúc dự án được xác định là có nhiều vấn đề nhất. Do đó, cần chú trọng đặc biệt đến việc đảm bảo tiến độ, chất lượng và chi phí để đạt được giá trị tối ưu cho các dự án công cộng. [2]

Ojo Ayodeji Sunday (2010) phân tích ảnh hưởng của các lệnh thay đổi (variation orders) đến hiệu suất của các dự án xây dựng công cộng tại Seychelles. Nghiên cứu xác định 53 nguyên nhân gây ra lệnh thay đổi, trong đó nổi bật là chi tiết bản vẽ thiết kế không đầy đủ, sai sót trong thiết kế và mâu thuẫn giữa các tài liệu hợp đồng. Kết quả cho thấy các dự án do tư vấn quản lý có xu hướng gặp nhiều lệnh thay đổi hơn so với các dự án do đội ngũ nội bộ quản lý, dẫn đến chi phí và thời gian hoàn thành tăng đáng kể. Cụ thể, các dự án do tư vấn quản lý ghi nhận chi phí tăng 28,68% và thời gian kéo dài 31,96%, trong khi các dự án do đội ngũ nội bộ quản lý có chi phí tăng 19,97% và thời gian kéo dài 21,60%. Nghiên cứu kết luận rằng việc quản lý lệnh thay đổi hiệu quả là yếu tố quan trọng để giảm thiểu chi phí và thời gian vượt mức trong các dự án xây dựng công cộng. [3]

Jawad A. Alsuliman (2019) phân tích các yếu tố dẫn đến chậm trễ trong các dự án xây dựng

công cộng tại Ả Rập Xê Út. Nghiên cứu xác định 50 nguyên nhân gây chậm trễ, được phân loại theo các giai đoạn của dự án: trước khi trao thầu, trong quá trình trao thầu, sau khi trao thầu và các yếu tố chung. Thông qua khảo sát 211 chuyên gia trong ngành xây dựng, tác giả đã xác định 20 nguyên nhân hàng đầu, trong đó nổi bật là lập kế hoạch dự án kém, thiếu lao động có tay nghề, thay đổi phạm vi công việc và chậm trễ trong thanh toán. Nghiên cứu cũng phát triển một công thức đơn giản để tính toán ảnh hưởng của từng nguyên nhân chậm trễ tại công trường và áp dụng vào một nghiên cứu trường hợp để xác định tỷ lệ chậm trễ so với kế hoạch ban đầu. Kết quả nghiên cứu nhằm cung cấp cho các bên liên quan trong các dự án xây dựng công cộng những giải pháp phù hợp để giảm thiểu chậm trễ [4]

Richard O. A., Ebenezer A. (2020) phân tích các nguyên nhân dẫn đến vượt chi phí trong các dự án xây dựng công tại các nước đang phát triển, với trọng tâm là Ghana. Thông qua khảo sát 131 chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng công, nghiên cứu xác định bốn nguyên nhân chính gây vượt chi phí: lập kế hoạch và giám sát hợp đồng kém; thay đổi yêu cầu (change orders); môi trường thể chế và kinh tế yếu kém; và thiếu phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải thiện lập kế hoạch hợp đồng, tăng cường giám sát, củng cố môi trường thể chế và kinh tế, cũng như thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên tham gia dự án để giảm thiểu tình trạng vượt chi phí trong các dự án xây dựng công [5]

Ahmad M. A. el at (2021) nghiên cứu tính cạnh tranh và tỷ lệ thắng thầu của các nhà thầu trong các dự án xây dựng công cộng. Nghiên cứu thu thập dữ liệu từ 2.296 lượt đấu thầu cho 289 dự án được công bố bởi Cục Đấu thầu Chính phủ Jordan trong giai đoạn 2013-2016. Kết quả cho thấy, trung bình, các nhà thầu đạt mức độ cạnh tranh 83,8% và tỷ lệ thành công 13,3%. Các yếu tố như lĩnh vực công việc, hạng mục phân loại nhà thầu, quy mô dự án và số lượng nhà thầu tham gia có ảnh hưởng đáng kể đến tính cạnh tranh trong đấu thầu, trong khi hạng mục phân loại và lĩnh vực công việc không ảnh hưởng đến tỷ lệ thành công. Điều này cho thấy kinh nghiệm của nhà thầu ảnh hưởng đến tính cạnh tranh, nhưng không đảm bảo tỷ lệ thắng thầu cao hơn. Nghiên cứu đề xuất rằng các nhà thầu nên cải thiện chiến lược đấu thầu thay vì chỉ dựa vào kinh nghiệm hoặc tăng số lượng tham gia đấu thầu để nâng cao tỷ lệ thành công. [6]

Tomáš Hanák el at. (2021) nghiên cứu tập trung vào khả năng của nhà thầu trong việc chuẩn bị hồ sơ dự thầu cạnh tranh để tồn tại trên thị trường. Chiến lược ước tính giá thầu cần cân bằng giữa việc

tăng khả năng trúng thầu và đảm bảo sự ổn định kinh tế của công ty. Nghiên cứu này khảo sát lĩnh vực mua sắm công trình công cộng tại Cộng hòa Séc, thu thập ý kiến và kinh nghiệm của các nhà thầu thông qua bảng câu hỏi và phân tích dữ liệu bằng phương pháp thống kê. Kết quả cho thấy các nhà thầu Séc chủ yếu áp dụng chiến lược định giá dựa trên chi phí, đồng thời xem xét các yếu tố như rủi ro và sự hấp dẫn của gói thầu. Thị trường xây dựng Séc được nhận định là tập trung vào chi phí thấp, với sự xuất hiện phổ biến của các giá thầu bất thường thấp. Những phát hiện này có thể giúp các nhà thầu cải thiện chiến lược đấu thầu trong mua sắm công trình công cộng. [7]

Yixi Zhang et al, (2025) nghiên cứu phân tích xu hướng đấu thầu của các nhà thầu dựa trên mức độ kinh nghiệm trong đấu thầu lặp lại, nhằm kiểm tra tính khả thi của giả định tính ổn định. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ hơn 8000 hồ sơ dự thầu của hơn 900 nhà thầu trong các dự án xây dựng khu vực công tại Singapore giai đoạn 2017-2021. Kết quả cho thấy có sự thay đổi đáng kể trong xu hướng đấu thầu của các nhà thầu, bất kể mức độ kinh nghiệm, với chu kỳ thay đổi từ 10 đến 20 tháng. Điều này cho thấy giả định rằng các nhà thầu hành xử một cách nhất quán theo thời gian là không phù hợp trong bối cảnh này. Những thay đổi quan sát được phản ánh quá trình điều chỉnh chiến lược liên tục của các nhà thầu để đáp ứng biến động của thị trường. Nghiên cứu gợi ý rằng các nhà thầu nên thường xuyên xem xét và tối ưu hóa chiến lược đấu thầu của mình dựa trên dữ liệu lịch sử và phản hồi từ chủ đầu tư, vì các đối thủ cạnh tranh cũng đang thực hiện điều tương tự trong các cuộc đấu thầu lặp lại. [8]

Djoen San Santoso và Nuttapon Bourpanus (2018) nghiên cứu tác động của việc chuyển đổi từ hệ thống đấu thầu điện tử truyền thống sang đấu thầu điện tử (e-bidding) trong các dự án hạ tầng công cộng tại Thái Lan. Nghiên cứu phân tích dữ liệu từ các dự án trước và sau khi áp dụng e-bidding, tập trung vào sự thay đổi trong quy trình đấu thầu và quyết định tăng giá thầu của các nhà thầu. Kết quả cho thấy việc áp dụng e-bidding giúp tăng tính minh bạch, giảm thời gian và chi phí đấu thầu, đồng thời dẫn đến việc giảm giá thầu trung bình, tiết kiệm ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các nhà thầu cần thích nghi với quy trình đấu thầu mới và điều chỉnh chiến lược giá thầu để duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường e-bidding. [9]

Rieko Ishii (2022) nghiên cứu tác động của việc áp dụng đấu thầu điện tử (e-procurement) đến hành vi thông thầu trong các cuộc đấu giá công

khai. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ các cuộc đấu thầu xây dựng do một chính quyền địa phương Nhật Bản tổ chức, nơi quy trình đấu thầu truyền thống trên giấy được thay thế bằng e-procurement. Kết quả cho thấy việc áp dụng e-procurement đã giảm mức giá thầu trong một phần của thị trường, nơi mà trước đó giá thầu cao hơn so với phần còn lại. Tuy nhiên, mức giảm này ít hơn trong các cuộc đấu thầu mà các nhà thầu có khả năng thuộc cùng một cộng đồng công nghiệp, gợi ý rằng hiệu quả của e-procurement trong việc hạn chế gặp gỡ trực tiếp giữa các nhà thầu giảm đi khi họ có cơ hội giao tiếp thông qua các kênh khác ngoài quy trình đấu thầu. Nghiên cứu kết luận rằng e-procurement có thể giảm thiểu thông thầu bằng cách hạn chế các cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa các nhà thầu, nhưng hiệu quả này có thể bị ảnh hưởng bởi mức độ liên kết cộng đồng giữa họ. [10]

Ahmed M. Z. và cộng sự (2020) nghiên cứu xác định các yếu tố thúc đẩy việc áp dụng hệ thống đấu thầu điện tử (e-bidding) trong các dự án xây dựng công cộng tại Ả Rập Xê Út. Nghiên cứu đã xác định chín yếu tố chính, được phân loại thành bốn nhóm: giảm chi phí và thời gian, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tăng tốc độ giao tiếp và minh bạch, cải thiện chất lượng. Kết quả khảo sát cho thấy yếu tố quan trọng nhất là "giảm yêu cầu lưu trữ vật lý cho hồ sơ đấu thầu". Cả nhà thầu và cơ quan chính phủ đều đồng thuận về tầm quan trọng của các yếu tố này, cho thấy tiềm năng mạnh mẽ cho việc áp dụng rộng rãi e-bidding tại Ả Rập Xê Út. Nghiên cứu này cung cấp thông tin hữu ích cho việc phát triển các chính sách khuyến khích triển khai e-bidding, góp phần tăng hiệu quả và giảm chi phí trong ngành xây dựng. [11]

B De Cazalet (2021) phân tích việc áp dụng đấu thầu điện tử trong các dự án Đối tác Công-Tư (PPP) và nhượng quyền, tập trung vào các xu hướng hiện tại và cơ hội tiềm năng. Nghiên cứu đánh giá tác động của e-procurement trong việc tăng cường minh bạch, hiệu quả và cạnh tranh trong quá trình đấu thầu. Bài báo cũng thảo luận về những thách thức khi triển khai e-procurement, như yêu cầu về hạ tầng công nghệ và đào tạo nhân sự. Kết luận, tác giả đề xuất rằng việc áp dụng rộng rãi e-procurement có thể cải thiện hiệu quả của các dự án PPP và nhượng quyền, đồng thời khuyến nghị các chính phủ và tổ chức liên quan đầu tư vào công nghệ và đào tạo để tận dụng tối đa lợi ích từ e-procurement. [12]

Adedeji A et al (2022) tập trung vào việc xác định các điểm mờ trong quy trình đấu thầu công tại Nigeria, nơi mà các quan chức tham nhũng lợi dụng để biển thủ công quỹ. Nghiên cứu sử dụng khảo

sát với 759 bên liên quan trong ngành xây dựng từ sáu vùng địa lý của Nigeria, những người có kinh nghiệm về công nghệ e-Procurement và đấu thầu công. Kết quả cho thấy việc áp dụng các công cụ e-Procurement trong các giai đoạn như thông báo dự án, trao đổi thông tin, đấu thầu, thông báo trao thầu, giám sát tiến độ và thanh toán có thể tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, đồng thời giảm thiểu hành vi tham nhũng. Nghiên cứu kết luận rằng số hóa các quy trình đấu thầu công thông qua e-Procurement là cần thiết để cải thiện quản lý quỹ công và giảm thiểu tham nhũng trong ngành xây dựng Nigeria. [13]

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

1. Phương pháp nghiên cứu được áp dụng:

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng dựa trên dữ liệu thứ cấp từ Hệ thống dữ liệu quốc gia. Dữ liệu được thu thập và phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả, thống kê suy diễn, phân tích xu hướng và so sánh, nhằm đánh giá thực trạng và đưa ra những nhận định về tình hình đấu thầu trong lĩnh vực xây lắp công.

2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Các gói thầu xây lắp tại TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian: Dữ liệu được thu thập từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024.

Đối tượng nghiên cứu: Các gói thầu xây lắp có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên thuộc các dự án công đã có nhà thầu trúng thầu.

3. Phương pháp phân tích dữ liệu

3.1. Phân tích thống kê mô tả:

Sử dụng thống kê mô tả để tổng hợp dữ liệu về thời gian, số lượng gói thầu, giá trị hợp đồng, loại công trình, khu vực.

Bảng biểu và biểu đồ sẽ được sử dụng để minh họa các xu hướng quan trọng.

3.2 Phân tích thống kê suy diễn:

Sử dụng phân phối Chi-square để kiểm định sự độc giữa giá gói thầu và thời gian, giá gói thầu và loại công trình.

3.2. Phân tích xu hướng (Trend Analysis)

Xác định sự thay đổi về số lượng gói thầu, giá trị hợp đồng và tỷ lệ cạnh tranh theo từng quý trong năm 2024.

KẾT QUẢ:

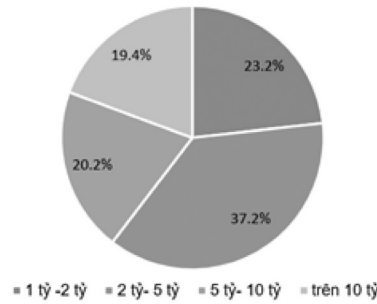
Dựa trên dữ liệu thu thập từ Hệ thống dữ liệu quốc gia, trong năm 2024, tại TP. Hồ Chí Minh, có tổng cộng 2.510 hồ sơ mời thầu thuộc danh mục xây lắp các dự án công đã có nhà thầu trúng thầu.

Kết quả này phản ánh hoạt động đấu thầu sôi động trong lĩnh vực xây dựng công, cho thấy sự gia

tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các dự án công ích tại địa phương. Đồng thời, số lượng hồ sơ mời thầu cũng phản ánh mức độ cạnh tranh giữa các nhà thầu trong việc tham gia vào các dự án xây dựng trên địa bàn thành phố.

Bảng 1 Số dự án trúng thầu theo giá gói thầu

Giá gói thầu	1 tỷ - 2 tỷ	2 tỷ - 5 tỷ	5 tỷ - 10 tỷ	trên 10 tỷ
số dự án	583	934	507	486

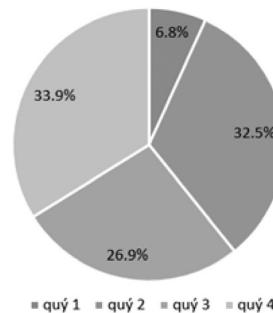


Hình 1. Biểu đồ tỷ lệ phần trăm các dự án theo giá gói thầu

Kết quả cho thấy trong tổng số 2.510 gói thầu xây lắp dự án công tại TP. Hồ Chí Minh năm 2024, nhóm gói thầu có giá trị từ 2 tỷ - 5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ cao nhất (37.2%), cho thấy sự phổ biến của các dự án quy mô vừa. Các gói thầu từ 1 tỷ - 2 tỷ đồng chiếm 23.2%, trong khi nhóm gói thầu từ 5 tỷ - 10 tỷ đồng và trên 10 tỷ đồng lần lượt chiếm 20.2% và 19.4%, phản ánh sự phân bố tương đối đồng đều giữa các nhóm quy mô khác nhau. Kết quả này cho thấy sự đa dạng về quy mô đầu tư công trong lĩnh vực xây dựng, với trọng tâm tập trung vào các dự án quy mô trung bình.

Bảng 2. Số dự án trúng thầu theo quý

Thời gian	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Số dự án	170	815	675	850
Phần trăm	6.8%	32.5%	26.9%	33.9%

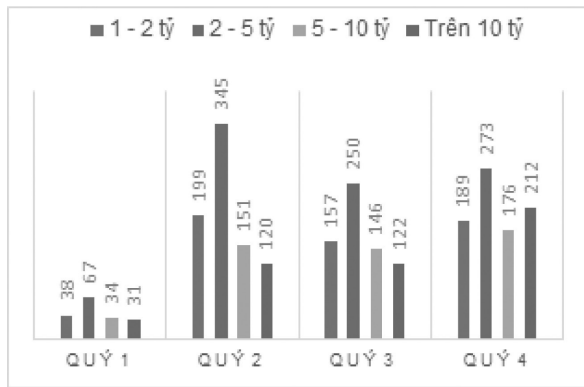


Hình 2 Biểu đồ tỷ lệ phần trăm các dự án theo Quý

Phân bố số lượng gói thầu xây lắp theo quý trong năm 2024 tại TP. Hồ Chí Minh cho thấy sự gia tăng mạnh mẽ từ quý 2 trở đi, với quý 2 (32.5%) và quý 4 (33.9%) chiếm tỷ trọng cao nhất. Quý 3 ghi nhận 26.9% số lượng dự án, trong khi quý 1 có số lượng

thấp nhất (6.8%), cho thấy hoạt động đầu thầu diễn ra chậm vào đầu năm. Xu hướng này phản ánh đặc điểm chu kỳ đầu thầu, với sự gia tăng mạnh vào giữa và cuối năm.

Phân tích số lượng gói thầu theo quý và giá trị gói thầu tại TP. Hồ Chí Minh năm 2024 cho thấy sự phân bố không đồng đều trong hoạt động đầu thầu xây lắp. Nhóm gói thầu có giá trị từ 2 - 5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ lớn nhất (37.2%), cho thấy sự phổ biến của các dự án quy mô trung bình. Trong khi đó, các gói thầu có giá trị trên 10 tỷ đồng tăng mạnh vào Quý 4 (212 dự án), cho thấy sự tập trung giải ngân vào cuối năm tài chính. Quý 1 có số lượng dự án thấp nhất (6.8%), có thể do ảnh hưởng của quy trình lập kế hoạch và phê duyệt đầu năm. Số lượng gói thầu từ 5 - 10 tỷ đồng và trên 10 tỷ đồng có mức dao động tương đối ổn định qua các quý, nhưng có xu hướng tăng nhẹ vào nửa cuối năm.



Hình 3. Biểu đồ thể hiện tương quan số gói thầu theo quý và giá trị gói thầu

Kiểm định sự độc lập giữa số gói thầu theo giá trị và theo quý (Với mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$):

Giả thuyết thống kê

H_0 (Giả thuyết không): Số lượng gói thầu theo giá trị và theo quý là độc lập nhau.

H_1 (Giả thuyết đối): Số lượng gói thầu theo giá trị và theo quý có mối quan hệ với nhau.

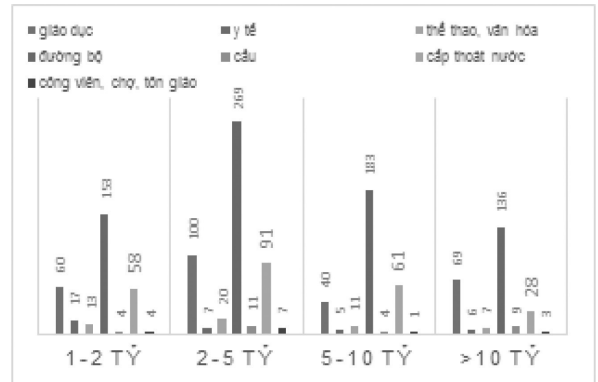
Bảng 3. số lượng dự án theo giá trị và theo quý

Giá trị gói thầu (tỷ đồng)	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng số dự án
1-2 tỷ	38	199	157	189	583
2-5 tỷ	67	345	250	273	934
5-10 tỷ	34	151	146	176	507
Trên 10 tỷ	31	120	122	212	486
Tổng số dự án	170	815	675	850	2510

Tính toán kiểm định Chi-square cho bảng dữ liệu trên cho ra kết quả: Giá trị thống kê Chi-square (χ^2) = 38.17

Với mức ý nghĩa $\alpha = 0.05$, ta có p-value < 0.05,

do đó bác bỏ giả thuyết H_0 . Điều này có nghĩa là số lượng gói thầu theo giá trị không độc lập với thời gian (quý). Nói cách khác, giá trị gói thầu có xu hướng thay đổi theo từng quý, thể hiện sự phân bố không đồng đều của các dự án theo thời gian. Xu hướng này có thể phản ánh chu kỳ giải ngân vốn đầu tư công, ảnh hưởng của quy trình lập kế hoạch đầu thầu hoặc các yếu tố thị trường tác động đến quyết định triển khai dự án xây lắp.



Hình 4. Biểu đồ thể hiện tương quan giá gói thầu và loại công trình

Phân tích dữ liệu đầu tư công theo loại công trình tại TP. Hồ Chí Minh cho thấy sự phân bố nguồn vốn có sự khác biệt rõ rệt giữa các lĩnh vực. Công trình đường bộ chiếm tỷ trọng lớn nhất, đặc biệt trong nhóm gói thầu 2-5 tỷ (269 dự án) và 5-10 tỷ (183 dự án), phản ánh nhu cầu mở rộng và nâng cấp hệ thống giao thông đô thị. Ngành giáo dục nhận được sự quan tâm đáng kể, với 100 dự án thuộc nhóm 2-5 tỷ và 69 dự án trên 10 tỷ, cho thấy xu hướng đầu tư vào cơ sở hạ tầng trường học và trung tâm đào tạo. Hệ thống cấp thoát nước cũng có mức đầu tư tương đối cao, đặc biệt trong nhóm 2-5 tỷ (91 dự án) và 5-10 tỷ (61 dự án), nhằm cải thiện năng lực chống ngập đô thị. Các công trình y tế và thể thao - văn hóa có số lượng dự án thấp hơn, với phần lớn các dự án thuộc nhóm 1-2 tỷ và 2-5 tỷ, cho thấy mức đầu tư vào lĩnh vực này chưa cao so với các ngành ưu tiên khác. Các công trình cầu có số lượng hạn chế, nhưng tập trung chủ yếu ở nhóm >10 tỷ (9 dự án), phản ánh sự ưu tiên đối với các dự án giao thông trọng điểm. Công trình công viên, chợ và tôn giáo có số lượng thấp nhất, với phần lớn thuộc nhóm 1-5 tỷ, cho thấy chưa có nhiều dự án quy mô lớn trong lĩnh vực này. Nhìn chung, xu hướng đầu tư công tại TP. Hồ Chí Minh tập trung chủ yếu vào hạ tầng giao thông và giáo dục, trong khi các lĩnh vực khác như y tế, văn hóa, thể thao nhận được nguồn vốn đầu tư hạn chế hơn.

Kiểm định sự độc lập giữa số gói thầu theo giá trị và theo loại công trình (Với mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$):

Giả thuyết thống kê

H_0 (Giả thuyết không): Số lượng gói thầu theo giá trị và theo loại công trình là độc lập nhau.

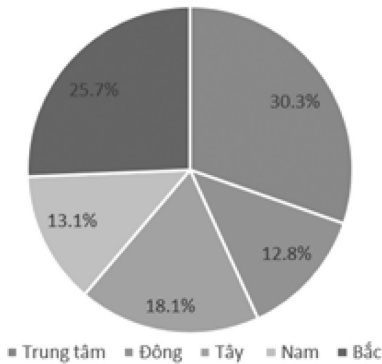
H_1 (Giả thuyết đối): Số lượng gói thầu theo giá trị và theo loại công trình có mối quan hệ với nhau.

Bảng 4. Số lượng dự án phân bổ theo loại công trình và giá gói thầu

Công trình	1-2 tỷ	2-5 tỷ	5-10 tỷ	>10 tỷ
Giáo dục	60	100	40	69
Y tế	17	7	5	6
Thể thao, văn hóa	13	20	11	7
Đường bộ	153	269	183	136
Cầu	4	11	4	9
Cấp thoát nước	58	91	61	28
Công viên, chợ, tôn giáo	4	7	1	3

Tính toán kiểm định Chi-square cho bảng dữ liệu trên cho ra kết quả: Giá trị thống kê Chi-square (χ^2) = 46.5

Với mức ý nghĩa $\alpha = 0.05$, ta có p-value < 0.05, do đó bác bỏ giả thuyết H_0 . Điều này có nghĩa là có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa loại công trình và giá trị gói thầu. Nói cách khác, phân bổ vốn đầu tư công tại TP. Hồ Chí Minh có sự khác biệt đáng kể giữa các loại công trình và quy mô gói thầu.



Hình 5. Biểu đồ thể hiện tỷ lệ phần trăm dự án phân bổ theo khu vực địa lý

Bảng 5. Số lượng dự án phân bổ theo giá gói thầu và theo khu vực

Khu vực	Trung tâm	Đông	Tây	Nam	Bắc
1-2 tỷ	123	61	118	84	158
2-5 tỷ	220	131	78	126	240
5-10 tỷ	276	68	162	63	144
Trên 10 tỷ	142	62	96	56	102
Tổng số dự án	761	322	454	329	644

Dữ liệu thống kê cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng về số lượng và quy mô đầu tư. Khu vực trung tâm chiếm tỷ trọng cao nhất (30.3%), phản ánh mức độ tập trung các dự án xây dựng tại các quận lõi đô thị, nơi có nhu cầu cải tạo và mở rộng hạ tầng lớn. Khu vực phía Bắc có số lượng dự

án đứng thứ hai (25.7%), với sự xuất hiện nhiều gói thầu có giá trị lớn, cho thấy xu hướng mở rộng đô thị về phía Bắc. Khu vực phía Tây chiếm 18.1% tổng số dự án, trong đó chủ yếu là các gói thầu từ 5 - 10 tỷ đồng và trên 10 tỷ đồng, phản ánh nhu cầu đầu tư mạnh vào hệ thống giao thông và hạ tầng công nghiệp. Khu vực phía Nam có tỷ lệ đầu tư thấp hơn (13.1%), cho thấy tốc độ phát triển hạ tầng còn hạn chế, dù đây là khu vực có tiềm năng lớn về phát triển đô thị mới. Khu vực phía Đông có tỷ trọng thấp nhất (12.8%), mặc dù TP. Thủ Đức được định hướng là trung tâm đổi mới sáng tạo, nhưng số lượng dự án xây lắp vẫn còn ít. Các gói thầu có giá trị trên 10 tỷ đồng phân bổ đồng đều giữa các khu vực, với số lượng đáng kể tại khu trung tâm, phía Tây và phía Bắc. Nhìn chung, xu hướng đầu tư công tập trung chủ yếu vào các khu vực trung tâm và phía Bắc, trong khi phía Đông và phía Nam vẫn cần thêm các chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng.

KẾT LUẬN:

Nghiên cứu về tình hình đấu thầu xây lắp tại TP. Hồ Chí Minh năm 2024 đã làm rõ sự phân bổ gói thầu theo giá trị hợp đồng, thời gian, loại công trình và khu vực địa lý, cho thấy xu hướng đầu tư công có sự chênh lệch đáng kể giữa các nhóm tiêu chí. Các gói thầu có giá trị từ 2 - 5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ cao nhất (37.2%), phản ánh sự phổ biến của các dự án quy mô vừa, trong khi đó, các gói thầu lớn trên 10 tỷ đồng có sự phân bổ đồng đều giữa các khu vực.

Xét theo quý, số lượng gói thầu tăng mạnh vào Quý 2 (32.5%) và Quý 4 (33.9%), cho thấy chu kỳ giải ngân vốn đầu tư công có xu hướng dồn về giữa và cuối năm. Kiểm định Chi-square khẳng định rằng số lượng gói thầu theo giá trị và theo quý có mối quan hệ phụ thuộc, tức là giá trị gói thầu có xu hướng thay đổi theo từng quý, phản ánh ảnh hưởng của kế hoạch đấu thầu và tiến độ giải ngân ngân sách.

Xét theo loại công trình, công trình đường bộ chiếm tỷ trọng cao nhất, đặc biệt trong nhóm gói thầu 2-5 tỷ (269 dự án) và 5-10 tỷ (183 dự án), phản ánh nhu cầu đầu tư mạnh vào mở rộng và cải thiện giao thông đô thị. Giáo dục và cấp thoát nước cũng nhận được sự quan tâm đáng kể, trong khi đó, y tế, thể thao - văn hóa và công trình công cộng khác có mức đầu tư thấp hơn. Kết quả kiểm định thống kê cũng chỉ ra rằng loại công trình và giá trị gói thầu không độc lập, cho thấy sự ưu tiên vốn đầu tư công cho một số hạng mục nhất định.

Xét theo khu vực địa lý, trung tâm TP. HCM chiếm tỷ trọng cao nhất (30.3%), cho thấy sự tập trung đầu tư lớn vào các dự án cải tạo hạ tầng tại khu vực đô thị cũ. Khu vực phía Bắc (25.7%) và phía Tây (18.1%) cũng có số lượng gói thầu đáng

kế, phản ánh xu hướng mở rộng đô thị về các khu vực này. Ngược lại, phía Đông (12.8%) và phía Nam (13.1%) có số lượng gói thầu thấp hơn, mặc dù đây là những khu vực được định hướng phát triển lâu dài.

Tổng thể, đầu tư công trong lĩnh vực xây lắp tại TP. Hồ Chí Minh năm 2024 có sự tập trung vào giao thông, giáo dục và hạ tầng thoát nước, với trọng điểm ở khu trung tâm và phía Bắc. Để đảm bảo sự phát triển đồng đều, cần có các chính sách thúc đẩy đầu tư tại khu vực phía Đông và phía Nam, đồng thời tăng cường tính hiệu quả và minh bạch trong quá trình đấu thầu. Kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở quan trọng để các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách có thể điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công hợp lý hơn trong những năm tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Q. Hội, "Luật đầu tư công," Số: 39/2019/QH14, Hà Nội, 2019.
- [2] N. A. J. e. at, "Public construction projects performance in Malaysia," *Journal of Southeast Asian Research*, vol. Vol. 2016(2016), no. DOI: 10.5171/2016.940838, 2016.
- [3] O. A. Sunday, "Impact Of Variation Orders On Public Construction Projects," in *Procs 26th Annual ARCOM Conference*, Leeds, UK, 2010.
- [4] J. A. Alsuliman, "Causes of Delay in Saudi Public Construction Projects," *Alexandria Engineering Journal*, vol. Volume 58, no. Issue 2, pp. 801-808, June 2019.
- [5] E. A. Richard Ohene Asiedu, "Cost overruns of public sector construction projects: a developing country perspective," *International Journal of Managing Projects in Business*, vol. Vol. 13 No. 1, pp. pp. 66-84, 16 January 2020.
- [6] Ahmad M. Alkhateeb, Khaled Hesham Hyari và Mohammed A. Hiyassat, "Analyzing bidding competitiveness and success rate of contractors competing for public construction projects," *Construction Innovation*, vol. Vol. 21, no. Issue 4, pp. pp. 576-591, 21 October 2021.
- [7] Tomáš Hanák ,ORCID,Adriana Drozdová and Ivan Marović , "Bidding Strategy in Construction Public Procurement: A Contractor's Perspective," *Construction Management – Future Innovations, Methods, Techniques and Technologies*, vol. 11, no. 2, 30 January 2021.
- [8] Yixi Zhang ,Bee Lan Oo ,Goran Runeson and Benson Teck Heng Lim , "An Empirical Study of Contractors' Bidding Trends in Recurrent Bidding: A Case of Singapore Public Sector Construction Projects," *Construction Management, and Computers & Digitization*, vol. 15, no. 4, 12 February 2025.
- [9] D. S. S. v. N. Bourpanus, "Moving to e-bidding: Examining the changes in the bidding process and the bid mark-up decisions of Thai contractors," *Journal of Financial Management of Property and Construction*, vol. 24, no. 1, pp. 2-18, 22 March 2019.
- [10] R. Ishii, "Can e-procurement reduce bid rigging in public auctions?," *Journal of Competition Law & Economics*, vol. Volume 18, no. Issue 2, p. 456-482, June 2022.
- [11] Ahmed M.Z. Sayed, Sadi Assaf, Adel S. Aldosary, Mohammad A. Hassanain, Abdullatif Abdallah, "Drivers of e-bidding implementation in the Saudi Arabian construction industry," *Built Environment Project and Asset Management*, vol. Vol. 10, no. No. 1, pp. 16-27, 5 February 2020.
- [12] B De Cazalet, I Zapatrina, "E-Procurement for PPPs and Concessions: Current Trends and Opportunities," *Eur. Procurement & Pub. Private Partnership L. Rev*, vol. 2, 2021.
- [13] Adedeji Afolabi,Eziyi Ibem,Egidario Aduwo &Patience Tunji-Olayeni, "Digitizing the grey areas in the Nigerian public procurement system using e-Procurement technologies," *International Journal of Construction Management*, vol. 22, no. 12, pp. 2215-2224, 2022.
- [14] B. k. h. v. đầu, "Thông tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả," Số: 11/2019/TT-BKHĐT, Hà Nội, 2019.